

Bản án số: **06/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 3- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Như Hải và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Khu K, xã Q, huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú hiện nay: Tòa nhà N02T3, khu N, đường N, phường X, quận B, thành phố H (vắng mặt)

Bị đơn: anh Dương Văn Đ, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu K, xã Q, huyện T, tỉnh P (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Đ kết hôn ngày 06/10/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ có bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng thường tranh cãi nhau. Kể từ năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Văn H - sinh ngày 22/8/2011. Hiện nay cháu H đang ở với anh Đ. Nếu ly hôn, chị L đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức, đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Văn Đ trình bày:

Anh và chị L kết hôn như chị L trình bày là đúng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kể từ năm 2017. Nguyên nhân do anh không tin tưởng chị L, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, chị L bỏ đi làm ăn xa không về nữa. Nay chị L xin ly hôn, anh Đ không nhất trí ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Văn H. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng anh Đ. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi cháu H và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Dương Văn Đ

+ Về con chung: giao cháu Dương Văn H cho anh Dương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Đ (bị đơn) có nơi cư trú tại xã Q, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã có bản trình bày quan điểm về nội dung vụ án và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt. Anh Đ đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Q, huyện T, tỉnh P ngày 06/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L và anh Đ có những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mất niềm tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Q cho biết quá trình chị L và anh Đ xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Chị L có nguyện vọng xin được ly hôn, anh Đ xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Đ và chị L ly thân nhau đã lâu, anh Đ cũng khẳng định vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không gặp gỡ, không còn quan tâm đến nhau. Anh Đ cũng không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng quay về chung sống. Như vậy có thể thấy, tình cảm vợ chồng chị L và anh Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị L được ly hôn anh Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Dương Văn H - sinh ngày 22/08/2011. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng gia đình anh Đ. Chị L và anh Đ đều có quan điểm để anh Đ trực tiếp nuôi cháu H. Cháu H cũng có quan điểm xin được ở với bố. Vì vậy, xét giao cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp. Do anh Đ không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy không buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức, đất nông nghiệp: các bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Dương Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao anh Dương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Văn H, sinh ngày 22/8/2011 kể từ ngày 29/3/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003250 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L, anh Dương Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Quảng Yên
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thanh Loan